

**NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH  
CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÂN HIỆU TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Phạm Thị Hằng**

**Tóm tắt**

*Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học của sinh viên trường đại học Giao thông vận tải Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh (UTC2). Nghiên cứu được thực hiện thông qua cuộc khảo sát 375 sinh viên khóa 65 (năm nhất) tại UTC2. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên Phân hiệu bao gồm: đặc điểm trường đại học; tình hình tài chính; năng lực cá nhân; truyền thông của nhà trường và ảnh hưởng của những người xung quanh. Trong đó nhân tố Năng lực cá nhân có ảnh hưởng mạnh nhất. Từ kết quả nghiên cứu tác giả đề xuất một số giải pháp để Phân hiệu có thể thu hút các em học sinh và cải thiện sự hiệu quả của công tác tuyển sinh trong thời gian sắp tới.*

**Từ khóa:** Quyết định chọn trường đại học, sinh viên năm nhất, các nhân tố ảnh hưởng.

**RESEARCH ON FACTORS AFFECTING THE DECISION TO CHOOSE  
A UNIVERSITY OF STUDENTS OF UNIVERSITY OF TRANSPORT AND  
COMMUNICATIONS CAMPUS IN HO CHI MINH CITY**

**Abstract**

*The objective of the study is to identify factors influencing the decision to choose a university at the University of Transport and Communications in Ho Chi Minh City (UTC2). The study was conducted through a survey of 375 students of class 65 (first year) at UTC2. According to research findings, there are five categories of elements that influence the decision to choose a university of Branch students, including: the characteristics of the university; financial situation; personal capacity; communication of university and influence of those around you, where personal capacity has the biggest influence. Based on empirical results, the author proposes some key solutions to help the Branch to attract students and improve the effectiveness of recruitment in the coming time.*

**Keywords:** Decision to choose a university, freshman, influencing factors.

**JEL classification:** I21, I23, I25.

**1. Giới thiệu**

Trong những năm gần đây, việc tuyển sinh của các trường đại học đang gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong bối cảnh sắp tới các trường thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP (Lan Hạ, 2015; Nguyễn Hoài, 2017 Thủ tướng Chính phủ, 2020). Xu hướng tự chủ tài chính của các trường đại học công lập đã buộc các trường này phải tăng chi tiêu tuyển sinh, hạ điểm chuẩn, mở rộng quy mô đào tạo theo nhiều hướng khác nhau đã tạo nên sự cạnh tranh giữa các trường trong công tác tuyển sinh. Bên cạnh đó, thực tế đã ghi nhận có không ít học sinh trung học phổ thông (THPT) đang học năm cuối cấp chưa xác định rõ ngành học và trường mình sẽ dự thi. Mặt khác, với rất nhiều phương án xét tuyển được các trường đại học (ĐH) áp dụng làm cho cánh cửa vào học ĐH của các em học sinh quá rộng mở khiến việc cạnh

tranh trong công tác tuyển sinh của các trường đại học ngày càng trở nên gay gắt.

Trường Đại học Giao thông vận tải Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và đào tạo. Trường tọa lạc trên địa bàn thành phố Thủ Đức, TP. HCM. Thực tế tuyển sinh những năm gần đây, do sự chuyển biến trong thị trường tuyển sinh lượng học sinh THPT có nhiều sự lựa chọn hấp dẫn hơn nên hàng năm lượng thí sinh có chất lượng đăng ký xét tuyển vào trường còn khiêm tốn. Thời gian qua nhà trường đã đầu tư và nâng cao về mọi mặt như: Cơ sở vật chất ngày càng hiện đại, chất lượng đội ngũ giảng viên được nâng cao, môi trường học tập thân thiện hơn, mã ngành nghề mới được bổ sung phù hợp với nhu cầu, nhiều chương trình đào tạo được kiểm định,...nhưng số thí sinh có chất lượng đăng ký xét tuyển vào trường lại

không tăng như tỷ lệ này. Một số ngành tuyển không đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh với mức điểm thấp. Theo kết quả tuyển sinh những năm gần đây, một số ngành tuyển không đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh với mức điểm thấp hơn năm trước. Ngành có mức điểm chuẩn giảm theo từng năm như: Quản lý xây dựng điểm trúng tuyển theo kết quả thi THPT các năm 2021, 2022, 2023 lần lượt là 21.4; 20.3 và 20.1; ngành kỹ thuật xây dựng CTGT điểm trúng tuyển theo kết quả thi THPT các năm 2021, 2022, 2023 lần lượt là 18.5; 16.0 và 16.15; ngành Kiến trúc điểm trúng tuyển theo kết quả thi THPT các năm 2021 là 20.6, năm 2022 là 17.5 và 2023 là 21.5. Đặc biệt Ngành Kỹ thuật môi trường sau thời gian không đủ thí sinh đăng kí đã phải ngừng tuyển sinh ở năm 2021.

Từ thực tiễn này, tác giả đã lựa chọn đề tài: “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học của sinh viên trường Đại học Giao thông vận tải tại Phân hiệu TP. HCM” nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chọn trường đại học của học sinh THPT. Từ đó giúp bộ phận tuyển sinh của nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông và tư vấn tuyển sinh hiệu quả.

## 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu ở trên thế giới và ở Việt Nam về sự lựa chọn (quyết định lựa chọn) của học sinh chọn trường đại học để theo học với các phương pháp nghiên cứu khác nhau và gắn với từng bối cảnh khác nhau.

Ở trên thế giới, D.W.Chapman (1981) đã đề xuất một mô hình tổng quát của việc lựa chọn trường đại học của các học sinh qua 2 nhóm yếu tố là đặc điểm của gia đình, cá nhân học sinh và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng như: các cá nhân, các đặc điểm cố định của trường đại học và nỗ lực giao tiếp của trường đại học với các học sinh.

Nghiên cứu của Hossler và Gallagher (1987) một lần nữa khẳng định ngoài sự ảnh hưởng mạnh mẽ của bố mẹ, sự ảnh hưởng của bạn bè cũng là một trong những ảnh hưởng mạnh đến quyết định chọn trường của học sinh. Hossler và Gallagher (1987) còn cho rằng ngoài bố mẹ, anh chị và bạn bè, các cá nhân tại trường học cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định chọn trường của học sinh.

Ở Việt Nam, tiêu biểu có công trình “*Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học*” của tác giả Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009). Trong nghiên cứu này các tác giả đã đề xuất mô hình có 7 yếu tố bao gồm: (1) Yếu tố về cá nhân, (2) yếu tố về đặc điểm trường đại học, (3) yếu tố về bản thân học sinh, (4) yếu tố về cơ hội học tập cao hơn, (5) yếu tố về cơ hội làm việc trong tương lai, (6) yếu tố về nỗ lực giao tiếp với sinh viên của trường đại học, và (7) yếu tố đặc trưng giới tính (Trần và Cao, 2009).

Vũ Thị Huệ, Lê Đình Hải, Nguyễn Văn Phú (2017) đã khảo sát 317 học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA đã chỉ ra được 5 nhóm yếu tố gồm: Các cá nhân có ảnh hưởng; Bản thân học sinh; Đặc điểm của Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu Đồng Nai; Cơ hội việc làm trong tương lai và nỗ lực giao tiếp của Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu Đồng Nai có ảnh hưởng đáng kể tới quyết định chọn Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu Đồng Nai của học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nguyễn Thị Kim Chi (2018) thực hiện “*Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT – trường hợp Hà Nội*” đã chỉ ra 4 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT xếp từ mạnh đến yếu như sau: (1) danh tiếng trường đại học, (2) cảm nhận về trường đại học, (3) cảm nhận chi phí, (4) chuẩn mực chủ quan.

Nghiên cứu với tựa đề “*Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn trường đại học của học sinh THPT tại Việt Nam: Bằng chứng khảo sát năm 2020*” đã cho thấy sinh viên khá hài lòng và khá chắc chắn với quyết định lựa chọn trường đại học của mình, trong khi đó có 4 yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc quyết định chọn trường đại học. Các yếu tố có độ lớn giảm dần theo thứ tự là (1) yếu tố thông tin, quảng cáo, (2) yếu tố thương hiệu và việc làm, (3) yếu tố bản thân học sinh, và (4) yếu tố học phí và cơ sở vật chất. (Lê Thị Mỹ Linh và Khúc Văn Quý, 2020).

Nghiên cứu về “*Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai*” đã chỉ ra các yếu tố: (1) Cơ hội tương

lai và năng lực của học sinh, (2) Truyền thông tiếp thị, (3) Quan hệ ảnh hưởng, (4) Đặc điểm trường đại học; (5) Cơ hội trúng tuyển có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn huyện Trảng Bom. (Lê Ngọc Diệp, 2021, tr.168).

Trong đề tài “*Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của sinh viên trường đại học Tài chính Quản trị kinh doanh*” kết quả cho thấy cho 3 nhân tố tác động đến quyết định chọn trường của sinh viên khóa 8 được xếp theo thứ tự giảm dần là: Thương hiệu, đặc điểm cá nhân, lời khuyên. (Dương Thị Trang, 2022, tr.22).

Như vậy, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra nhiều yếu tố khác nhau có thể ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của học sinh. Hầu hết các nghiên cứu này đều gắn liền với bối cảnh nghiên cứu trong một trường đại học cụ thể

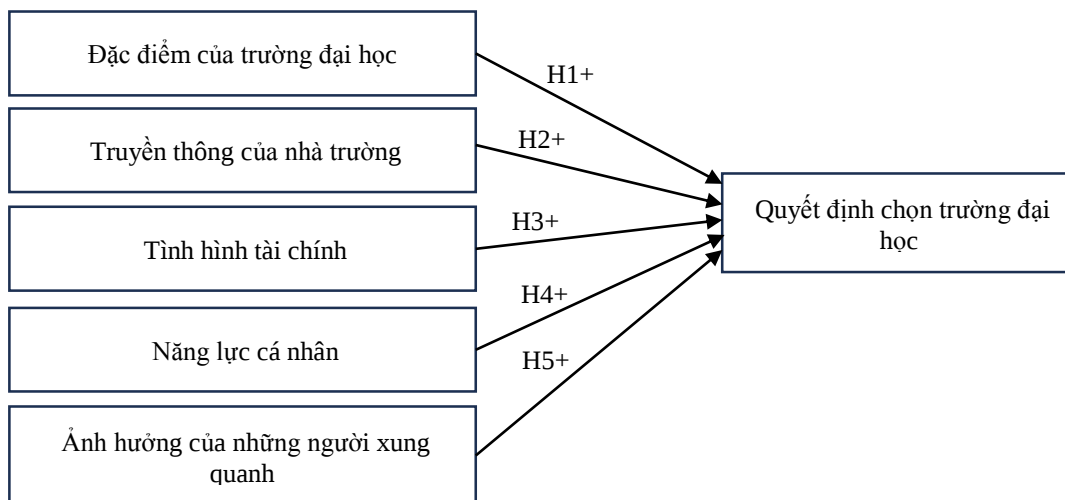
tuy nhiên đến thời điểm hiện tại chưa có một nghiên cứu nào về các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định chọn trường đại học của sinh viên tại Trường đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Mô hình và giả thiết nghiên cứu đề xuất

##### 3.1.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, dựa trên cơ sở nghiên cứu tổng quan các công trình khoa học có liên quan trong và ngoài nước, tác giả tập trung vào 5 nhân tố: (1) Đặc điểm của trường đại học, (2) Truyền thông của nhà trường, (3) Tình hình tài chính, (4) Năng lực cá nhân và (5) Ảnh hưởng của những người xung quanh. Đây là 5 nhân tố đóng vai trò là biến độc lập. Bên cạnh đó, Quyết định chọn trường đại học đóng vai trò là biến phụ thuộc để đưa vào mô hình nghiên cứu.



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của sinh viên Trường đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: Đề xuất của tác giả

##### 3.1.2. Giả thuyết nghiên cứu

Đặc điểm của trường đại học là những yếu tố gồm cơ sở vật chất của nhà trường, phương tiện học tập, thư viện, kí túc xá, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, thương hiệu, uy tín... Các đặc điểm này thường được học sinh và phụ huynh tìm hiểu kỹ trước khi lựa chọn trường đại học.

*Giả thuyết H1: Đặc điểm của trường đại học càng tốt xu hướng lựa chọn trường đại học đó càng cao.*

Các hoạt động truyền thông của trường ĐH chính là sự truyền tải thông tin, ý tưởng, thái độ hoặc cảm xúc từ phía trường đại học tới học sinh thông qua các hoạt động tư vấn, quảng bá hình ảnh...

*Giả thuyết H2: Các hoạt động truyền thông để giao tiếp với học sinh càng tốt thì học sinh sẽ chọn trường đó nhiều hơn.*

Tình hình tài chính bao gồm yếu tố về chi phí học tập phù hợp với khả năng tài chính của gia đình học sinh và học sinh có cơ hội nhận được nhiều học bổng trong quá trình học tập.

*Giả thuyết H3: Chi phí học tập phù hợp với khả năng tài chính của gia đình học sinh và học sinh có cơ hội nhận được nhiều học bổng của trường đại học đó thì xu hướng chọn trường đó sẽ cao.*

Năng lực cá nhân phản ánh việc thúc đẩy hoặc cản trở khi thực hiện bất kỳ hành vi nào phụ thuộc vào sự sẵn có của nguồn lực và cơ hội để thực hiện hành vi.

*Giả thuyết H4: sự phù hợp của ngành học với năng lực của học sinh hay sở thích học sinh càng cao, học sinh sẽ có khuynh hướng chọn trường đại học đó*

Các nghiên cứu về quá trình lựa chọn trường đại học đã chỉ ra rằng quyết định của một người theo học đại học chịu ảnh hưởng của cá nhân với cá nhân hoặc xã hội. Các cá nhân có ảnh hưởng quan trọng trong quá trình lựa chọn trường đại học của học sinh cụ thể gồm sự thuyết phục khuyến bảo của bạn bè, gia đình và những người liên quan ở trường THPT.

*Giả thuyết H5: Ảnh hưởng của người xung quanh càng lớn thì xu hướng học sinh chọn trường đại học đó càng cao*

Tổng hợp từ các giả thuyết trên, mô hình nghiên cứu được xác định dưới dạng phương trình như sau:

$$QĐCT = \beta_0 + \beta_1 DD + \beta_2 TT + \beta_3 TC + \beta_4 NL + \beta_5 AH$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc: Quyết định chọn trường đại học (QĐCT)

Biến độc lập: Đặc điểm của trường đại học (DD); Truyền thông của nhà trường (TT);

Tình hình tài chính (TC); Năng lực cá nhân (NL); Ảnh hưởng của những người xung quanh (AH).

$\beta_k$ : Hệ số hồi quy ( $k=0,1,2,\dots,5$ )

### 3.2. Tiến hành nghiên cứu

Trong mô hình nghiên cứu có 05 biến độc lập và 01 biến phụ thuộc. Để tiến hành phân tích hồi quy tốt nhất, theo Tabachnick và Fidell kích thước mẫu tối thiểu cho mô hình này là 90 mẫu quan sát. Tác giả xây dựng bảng câu hỏi phù hợp. Các thang đo sử dụng trong nghiên cứu đều được tác giả kế thừa từ các nghiên cứu trước, đồng thời có sự điều chỉnh từ ngữ để đảm bảo phù hợp với phạm vi và bối cảnh nghiên cứu của đề tài. Các biến trong mô hình được đo bằng thang đo Likert với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, trong đó: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Trung lập; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý.

Do đối tượng khảo sát là sinh viên Phân hiệu nên tác giả sử dụng phương pháp khảo sát trực tuyến thông qua đường link trên Google form. Để thuận tiện cho việc khảo sát, nhóm tác giả lựa chọn phương pháp chọn mẫu phi xác suất, cụ thể là phương pháp chọn mẫu tiện lợi. Kết quả sau khi sàng lọc các phiếu thu về 375 phiếu hợp lệ. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS20 thông qua kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy để kiểm tra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Mô tả mẫu

Đối tượng khảo sát là sinh viên năm nhất (Khóa 65) đang học tập tại Phân hiệu thuộc tất cả các ngành:

**Bảng 1: Mô tả mẫu nghiên cứu**

|           | Thông tin khảo sát                  | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|-----------|-------------------------------------|----------|-----------|
| Giới tính | Nữ                                  | 172      | 45,87     |
|           | Nam                                 | 203      | 54,13     |
|           | Tổng                                | 375      | 100,0     |
| Ngành     | Quản trị kinh doanh                 | 93       | 24,8      |
|           | Kinh tế xây dựng                    | 34       | 9,7       |
|           | Kỹ thuật xây dựng CTGT              | 28       | 7,47      |
|           | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 25       | 6,67      |
|           | Kinh doanh quốc tế                  | 23       | 6,13      |
|           | Công nghệ thông tin                 | 16       | 4,27      |
|           | Kiến trúc                           | 11       | 2,93      |
|           | Các ngành khác                      | 145      | 38,67     |
|           | Tổng                                | 375      | 100,0     |

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát

Kết quả thống kê mô tả mẫu từ bảng 1 chỉ ra mẫu nghiên cứu phân bố đều các tiêu chí phân loại. Trong đó: Nam giới chiếm tỉ lệ cao nhất (54,13%). Sinh viên thuộc ngành Quản trị kinh doanh có tỉ lệ 24.8% cao hơn các ngành còn lại.

Như vậy, mẫu khảo sát đủ điều kiện để đại diện cho tổng thể khi nghiên cứu và hoàn toàn phù hợp với trường đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại TP. HCM.

#### 4.2. Kiểm định thang đo

**Bảng 2: Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha**

| TT                    | Yếu tố                                   | Số lượng biến quan sát | Hệ số Cronbach's Alpha |
|-----------------------|------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 1                     | Đặc điểm trường Đại học (DD)             | 5                      | 0,884                  |
| 2                     | Truyền thông của nhà trường (TT)         | 3                      | 0,884                  |
| 3                     | Tài chính (TC)                           | 3                      | 0,895                  |
| 4                     | Năng lực cá nhân (NL)                    | 2                      | 0,879                  |
| 5                     | Ảnh hưởng của những người xung quanh(AH) | 5                      | 0,899                  |
| Hệ số KMO = 0,925     |                                          |                        |                        |
| Approx. Chi-Square    |                                          |                        | 5650,524               |
| df                    |                                          |                        | 153                    |
| Sig.                  |                                          |                        | 0,000                  |
| Kiểm định Bartlett's  |                                          |                        |                        |
| Tổng phương sai trích |                                          |                        | 73,040%                |

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát

Kết quả Bảng 2 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các biến độc lập nằm trong khoảng từ 0,884 đến 0,899 đều lớn hơn 0,6 và lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) của các biến độc lập cho thấy hệ số KMO nằm trong khoảng lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1 với hệ số Sig. là 0,000, như vậy phân tích nhân tố khám phá

là thích hợp cho dữ liệu thực tế, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Kết quả phân tích cho thấy 18 biến quan sát được trích vào 5 nhân tố độc lập với tổng phương sai trích là 73,040% lớn hơn 50%, tức là 5 nhân tố này đã giải thích được 70,040% sự biến thiên của dữ liệu nghiên cứu. Tóm lại, các kết quả phân tích trên đã cho thấy sự phù hợp với yêu cầu đặt ra.

**Bảng 3: Bảng phân tích tương quan Pearson**

|                        | Nhân tố             | Đặc điểm | Truyền thông | Tài chính | Năng lực | Ảnh hưởng | Quyết định chọn trường |
|------------------------|---------------------|----------|--------------|-----------|----------|-----------|------------------------|
| Đặc điểm               | Pearson Correlation | 1        | 0,710**      | 0,732**   | 0,769**  | 0,224**   | 0,730**                |
|                        | Sig. (2-tailed)     |          | 0,000        | 0,000     | 0,000    | 0,000     | 0,000                  |
| Truyền thông           | Pearson Correlation | 0,710**  | 1            | 0,584**   | 0,669**  | 0,409**   | 0,682**                |
|                        | Sig. (2-tailed)     | 0,000    |              | 0,000     | 0,000    | 0,000     | 0,000                  |
| Tài chính              | Pearson Correlation | 0,732**  | 0,584**      | 1         | 0,769**  | 0,122*    | 0,684**                |
|                        | Sig. (2-tailed)     | 0,000    | 0,000        |           | 0,000    | 0,018     | 0,000                  |
| Năng lực               | Pearson Correlation | 0,769**  | 0,669**      | 0,769**   | 1        | 0,264**   | 0,755**                |
|                        | Sig. (2-tailed)     | 0,000    | 0,000        | 0,000     |          | 0,000     | 0,000                  |
| Ảnh hưởng              | Pearson Correlation | 0,224**  | 0,409**      | 0,122*    | 0,264**  | 1         | 0,360**                |
|                        | Sig. (2-tailed)     | 0,000    | 0,000        | 0,018     | 0,000    |           | 0,000                  |
| Quyết định chọn trường | Pearson Correlation | 0,730**  | 0,682**      | 0,684**   | 0,755**  | 0,360**   | 1                      |
|                        | Sig. (2-tailed)     | 0,000    | 0,000        | 0,000     | 0,000    | 0,000     |                        |

\*\* Correlation is significant at the 0,01 level (2-tailed).

Sig kiểm định t tương quan Pearson giữa năm biến độc lập Đặc điểm, Truyền thông, Tài chính, Năng lực với biến phụ thuộc Quyết định chọn trường đều nhỏ hơn 0.05. Như vậy, có mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập này với

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát biến phụ thuộc. Giữa các biến độc lập, không có mối tương quan nào quá mạnh khi trị tuyệt đối hệ số tương quan giữa các cặp biến đều nhỏ hơn 0.5, như vậy khả năng xảy ra hiện tượng cộng tuyến/đa cộng tuyến cũng thấp hơn.

**Bảng 4:** Kết quả phân tích hồi quy

| Các biến độc lập                                                                                     | Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa |            | Hệ số hồi quy chuẩn hoá | Giá trị t | Mức ý nghĩa Sig. | Thông kê đa cộng tuyến |       | Tầm quan trọng |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------|-----------|------------------|------------------------|-------|----------------|
|                                                                                                      | B                            | Std. Error | Beta                    |           |                  | Tolerance              | VIF   |                |
| (Hằng số)                                                                                            | -0,220                       | 0,153      |                         | -1,433    | 0,153            |                        |       |                |
| F1_DD                                                                                                | 0,262                        | 0,064      | 0,220                   | 4,075     | 0,000            | 0,305                  | 3,284 | 2              |
| F2_TT                                                                                                | 0,171                        | 0,050      | 0,160                   | 3,418     | 0,001            | 0,404                  | 2,473 | 4              |
| F3_TC                                                                                                | 0,186                        | 0,053      | 0,176                   | 3,505     | 0,001            | 0,351                  | 2,851 | 3              |
| F4_NL                                                                                                | 0,316                        | 0,057      | 0,306                   | 5,582     | 0,000            | 0,295                  | 3,393 | 1              |
| F5_AH                                                                                                | 0,131                        | 0,030      | 0,143                   | 4,292     | 0,000            | 0,800                  | 1,250 | 5              |
| Biến phụ thuộc: QĐ; Dung lượng mẫu quan sát: 375                                                     |                              |            |                         |           |                  |                        |       |                |
| Hệ số R <sup>2</sup> = 0,673; Hệ số R <sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0,668; Giá trị Durbin Watson = 1,826 |                              |            |                         |           |                  |                        |       |                |

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát

#### 4.3. Mô hình hồi quy tuyến tính

Tiêu chuẩn để chấp nhận mô hình hồi quy là Sig.<0,05 và R<sup>2</sup>>0,5. Kết quả phân tích hồi quy trong bảng 4 cho thấy R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0,668; giá trị này cho thấy các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được 66,8% sự thay đổi của biến phụ thuộc hay 66,8% quyết định chọn trường ĐH của sinh viên phân hiệu chịu tác động của các yếu tố DD, TT, TC, NL và AH.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10, như vậy mô hình hồi quy không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Durbin Watson (1 < d = 1,826 < 3), như vậy mô hình hồi quy không có hiện tượng tự tương quan.

Phân tích Anova cho thấy thống kê là hoàn toàn có ý nghĩa thống kê (mức ý nghĩa = 0,05), như vậy mô hình hồi quy là hoàn toàn phù hợp xét trong tổng thể nghiên cứu. Mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường ĐH của sinh viên Phân hiệu lần lượt như sau: Cao nhất là F4 “Năng lực cá nhân” có hệ số hồi quy chuẩn hoá là 0,306; F1 “Đặc điểm trường đại học” với hệ số chuẩn hoá là 0,220 có ảnh hưởng thứ 2; tiếp đến là F3 “Tài chính” có hệ số chuẩn hoá bằng 0,176; F2 “Truyền thông của nhà trường” có hệ số chuẩn hoá bằng 0,160 và thấp nhất là F5 “Ảnh hưởng của những người xung quanh” với hệ số chuẩn hoá là 0,143.

Từ kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy nhân tố “Năng lực cá nhân” tác động mạnh nhất đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên Phân hiệu. Điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế trong công tác tuyển sinh của Phân hiệu luôn chú trọng vào việc khơi dậy năng lực của bản thân học sinh. Tiếp theo là biến “Đặc điểm trường đại học”. Không chỉ dừng ở sự phù

hợp ở năng lực cá nhân mà các đặc điểm của trường như cơ sở vật chất, thư viện, kí túc xá, giảng viên, phương tiện học tập...cũng được nhắc đến nhiều trong các buổi hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh của nhà trường. 3 nhân tố Tài chính, Truyền thông của nhà trường và Ảnh hưởng của những người xung quanh cũng có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của sinh viên Phân hiệu. Do đó, các giải pháp tác giả đưa ra sẽ tập trung giúp Phân hiệu thu hút thí sinh có chất lượng đăng ký xét tuyển vào trường.

#### 5. Kết luận và kiến nghị

Mặc dù nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế về cỡ mẫu chưa đủ lớn để giải thích tốt nhất kết quả của mô hình và đối tượng nghiên cứu mới dừng lại ở các bạn sinh viên năm thứ nhất (khóa 65), tuy nhiên nghiên cứu đã xây dựng được mô hình lựa chọn trường đại học của sinh viên Phân hiệu hiện nay. Nghiên cứu đã xác định được 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học bao gồm: năng lực cá nhân; đặc điểm trường đại học; tài chính; truyền thông của nhà trường và ảnh hưởng của những người xung quanh.

Dựa vào kết quả của nghiên cứu, tác giả xin đề xuất một số kiến nghị cho Phân hiệu nhằm thu hút được học sinh thi vào trường mình như sau:

*Thứ nhất*, tích cực nâng cao uy tín, xây dựng thương hiệu của Phân hiệu. Ngày nay người học có quyền tự do lựa chọn trường đại học, cao đẳng để học, họ sẽ lựa chọn trường đại học, cao đẳng nào còn phụ thuộc vào sự hiểu biết, tình cảm, sự tin tưởng của cá nhân đối với trường đại học đó, cao đẳng đó. Vì vậy việc xây dựng thương hiệu là điều cần thiết không chỉ đối với Phân hiệu trường Đại học Giao thông vận tải tại TP. HCM

mà còn có ý nghĩa đối với các trường đại học, cao đẳng nói chung.

*Thứ hai*, nghiên cứu, xác định mức học phí phù hợp cho sinh viên. Có chế độ học bổng, trao đổi sinh viên với các trường liên kết ở nước ngoài hợp lý. Nâng cao cơ sở vật chất của trường: đầu tư trang thiết bị, phòng học hiện đại, các phòng thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu giúp cho sinh viên có thể vừa học vừa thực hành.

*Thứ ba*, Phân hiệu cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông để có thể thực hiện tốt việc tuyển sinh và thu hút nhiều học sinh có năng lực

đăng ký nguyện vọng và nhập học, tập trung phát triển website/page của trường với nhiều thông tin hơn. Lồng ghép các thông tin của trường vào các quảng cáo trên youtube, video facebook. Kêu gọi sinh viên trường like và share các bài viết trên page của trường.

*Thứ tư*, xây dựng cán bộ tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp thật chuyên nghiệp. Cán bộ tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp đóng một vai trò rất là quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tuyển sinh của trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Kim Chi. (2018). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh THPT – trường hợp Hà Nội. *Luận án, Quản lý kinh tế*. Trường đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [2]. David W. Chapman (2008). A model of student college choice. *Journal of Scholarly Publishing*, 40(1), 24–26. <https://doi.org/10.1353/scp.0.0025>
- [3]. Lê Ngọc Diệp. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí KH&CN Lâm Nghiệp*, 4, 168-177.
- [4]. Hossler, D., & Gallagher, K. S. (1987). Studying Student College Choice: A Three-Phase Model and the Implications for Policymakers. *College and University*, 62(3), 207–221. <http://proxyfs.researchport.umd.edu/login?url=http://search.ebscohost.com/login.aspx?direct=true&db=eric&AN=EJ354226&site=eds-live&scope=site>
- [5]. Lê Quang Hùng, Kiều Xuân Hùng, Nguyễn Phú Tụ, Diệp Thị Phương Thảo, Nguyễn Lưu Thanh Tân, Lê Thị Bích Diệp, Mạnh Ngọc Hùng. (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của tân sinh viên quản trị kinh doanh. *Tạp chí tài chính*, truy cập ngày 20/09/2024 từ <https://tapchitaichinh.vn/>
- [6]. Lê Thị Mỹ Linh & Khúc Văn Quý. (2020). Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn trường đại học của học sinh THPT tại Việt Nam: Bằng chứng khảo sát năm 2020, truy cập ngày 20/09/2024 từ <https://philarchive.org/archive/LINCYT>
- [7]. Nguyễn Minh Hà và cộng sự. (2011). Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sinh viên chọn Trường Đại học Mở TP.HCM. *Tạp chí khoa học*, 6, 107 – 117.
- [8]. Vũ Thị Huế, Lê Đình Hải, Nguyễn Văn Phú. (2017). Áp dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá trong nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vào học Phân hiệu trường đại học Lâm nghiệp của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp*, 4, 172 - 180.
- [9]. Thủ tướng Chính phủ. (2020). Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Truy cập ngày 10/08/2024 từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Nghi-dinh-99-2019-ND-CP-huong-dan-thi-hanh-Luat-Giao-duc-dai-hoc-sua-doi-432145.aspx>
- [10]. Trần Văn Quý và Cao Hào Thi. (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. *Tạp Chí Phát Triển KHCN*, 12(15), 87–102.

#### Thông tin tác giả:

##### 1. Phạm Thị Hằng

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ email: [hangpt\\_ph@utc.edu.vn](mailto:hangpt_ph@utc.edu.vn)

Ngày nhận bài: 5/11/2024

Ngày nhận bản sửa: 21/11/2024

Ngày duyệt đăng: 25/12/2024